

VÕ NGUYỄN GIÁP (Văn, 1911 - 2013), Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân tự vệ Việt Nam, sau là Tổng tư lệnh kiêm Tổng Chính ủy, Bí thư Tổng Quân ủy (1946 - 1975), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 11.1946 - 8.1947 và 7.1948 - 1980).

VNG sinh ngày 25.8.1911; quê làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, (nay là xã Lệ Thủy), tỉnh Quảng Bình. Năm 1925, VNG tham gia phong trào học sinh, sinh viên yêu nước; năm 1927 gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng; năm 1929 tham gia cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam); tháng 10.1930 bị Pháp bắt giam. Từ năm 1936 đến năm 1939, tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phong trào Đông Dương Đại hội, tham gia sáng lập và viết bài cho các báo của Đảng, được bầu làm Chủ tịch Ủy ban báo chí Bắc Kỳ.

Tháng 5.1940, VNG và Phạm Văn Đồng được lãnh đạo Đảng cử sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Sau Hội nghị Trung ương 8 (5.1941), Mặt trận Việt Minh được thành lập, VNG được giao phụ trách Ủy ban Quân sự của Tổng bộ Việt Minh, xây dựng căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển phong trào cách mạng chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Năm 1942, phụ trách Ban Xung phong Nam tiến, xây dựng lực lượng cách mạng trong nhân dân. Bằng phương thức chủ yếu là tuyên truyền, giác ngộ, tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự cho quần chúng, tháng 8.1943 con đường Nam tiến được thông suốt từ Cao Bằng về Thái Nguyên.

Tháng 12.1944, thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh, VNG đã tổ chức thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với 34 cán bộ, chiến sĩ. Được ủy nhiệm lãnh đạo chung, VNG trực tiếp chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân vận dụng lối đánh “du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực”, tập kích, tiêu diệt đồn Phai Khắt (25.12.1944), đồn Nà Ngần (26.12.1944), mở đầu truyền thống đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ tháng 4 đến tháng 8.1945, tham gia Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ (15 - 20.4.1945), được bầu vào Ủy ban Quân sự Bắc Kỳ, giữ chức Tư lệnh các Lực lượng vũ trang Cách mạng thống nhất với tên gọi Việt Nam Giải phóng quân, tham gia Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu Giải phóng Việt Bắc; được Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương Đảng, được cử vào Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, VNG đọc bản Quân lệnh số 1, phát động tổng khởi nghĩa và chỉ đạo lực lượng vũ trang hỗ trợ nhân dân giành chính quyền trên cả nước.

Sau Cách mạng tháng Tám (1945), trước âm mưu tái xâm lược của thực dân Pháp, VNG tham mưu cho Đảng, Chính phủ phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, chủ động tiến công quân Pháp. Đầu năm 1946, VNG vào Mặt trận Nha Trang, Tây Nguyên chỉ đạo chuyển hướng từ đánh trận địa sang đánh du kích, xây dựng căn cứ, tổ chức kháng chiến lâu dài. Ngày 3.11.1946, VNG được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Liên hiệp quốc dân; ngày 30.11.1946 được Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy quyền

giữ chức Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia Việt Nam, trực tiếp chuẩn bị vũ trang kháng chiến trên toàn quốc.

Tại Mặt trận Hà Nội, VNG cùng cơ quan tham mưu nghiên cứu tình hình, so sánh lực lượng, thế bố trí của địch, vạch kế hoạch tác chiến của ta. 20 giờ ngày 19.12.1946, VNG phát hiệu lệnh chiến đấu ở Hà Nội mở đầu kháng chiến toàn quốc. Thực hiện “trong đánh ngoài vây, trong ngoài cùng đánh”, kết hợp chặt chẽ giữa hình thức phòng ngự và tiến công, giữa chiến thuật du kích chiến và vận động chiến, tiêu hao, giam chân quân Pháp, tạo điều kiện cả nước chuyển vào cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). Quá trình chỉ đạo tác chiến, VNG đã kịp thời điều chỉnh Mặt trận Hà Nội bằng việc mở rộng hậu phương về phía Hà Đông, Sơn Tây, đồng thời chỉ thị Khu 2 điều thêm lực lượng tăng cường cho Hà Nội; chỉ đạo các chiến trường chủ động tiêu hao, kìm chân và căng kéo quân địch, phối hợp mặt trận phía bắc chia lửa với Hà Nội. Sau 60 ngày đêm chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ kìm chân, tiêu hao địch, VNG lệnh cho lực lượng vũ trang Liên khu 1 rút khỏi Hà Nội, đồng thời lệnh cho lực lượng bên ngoài mở đợt tiến công mạnh vào nội thành nhằm nghi binh lừa địch, tạo điều kiện cho bộ đội và nhân dân bí mật vượt sông an toàn.

Những năm đầu Kháng chiến chống thực dân Pháp, nhận thấy cách đánh dàn trận địa, lập phòng tuyến không thể ngăn chặn, đánh bại những cuộc hành binh lớn của quân Pháp, đầu năm 1947, VNG viết bản huấn lệnh “Sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến”, nhấn mạnh phải tập trung bộ đội, bí mật đánh mạnh vào những nơi địch tương đối yếu hay mới chiếm đóng, rồi nhanh chóng cơ động đánh nơi khác; tập trung chủ lực để đánh từng trận lớn và phân tán một số bộ đội để phối hợp với dân quân; tổ chức những đội đánh xe tăng, lập chướng ngại vật, phá đường để chặn quân Pháp... Nhờ áp dụng chiến thuật du kích vận động chiến, từ tháng 3.1947 hiện tượng “vỡ mặt trận” chấm dứt.

Thu - Đông 1947, thực dân Pháp huy động lực lượng tinh nhuệ tiến công căn cứ địa Việt Bắc nhằm chụp bắt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh. Nhận thấy cách đánh tập trung, vận động từ xa của ta không hiệu quả, VNG đã đưa ra chủ trương “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”; chỉ đạo phân tán một phần ba bộ đội chủ lực để thành lập các đại đội độc lập, phần còn lại đưa về các địa phương cùng dân quân du kích phát động chiến tranh du kích, chủ động tiến công, tiêu hao quân Pháp; động viên nhân dân triệt để thực hiện vườn không nhà trống, tiêu thổ kháng chiến; bố trí các trung đoàn, tiểu đoàn chủ lực ở những địa bàn hiểm yếu, nhất là dọc đường số 2, số 3 và số 4, làm thất bại cả ba mũi tiến công của quân Pháp. Việc điều chỉnh kịp thời tổ chức, biên chế lực lượng theo công thức “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”, dùng binh lực vừa và nhỏ, áp dụng chiến thuật phục kích là chủ yếu đã đẩy quân Pháp vào thế bị động, tổn thất nặng nề, chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” bị phá sản.

Đầu năm 1948, Pháp chuyển sang chiến lược “đánh lâu dài”, thực hiện chiến tranh tổng lực, lập đồn, bót tạo hành lang an toàn dọc các đường giao thông, tăng cường lực lượng càn quét vùng mới chiếm đóng, đánh chiếm *vùng tự do*, ráo riết xây dựng tề, nguỵ. Trước tình thế mới, VNG cùng Ban Chấp hành

Trung ương chủ trương đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện, phát triển chiến tranh du kích, từng bước tiến lên vận động chiến, tạo thế và lực tiến tới phản công và tiến công. Từ kinh nghiệm thực tiễn, VNG đề nghị Thường vụ Trung ương Đảng hoãn việc thành lập đại đoàn, đề xuất phân tán một phần ba số đơn vị chủ lực thành các đại đội độc lập, trung đội vũ trang tuyên truyền, ban xung phong công tác, tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm gây dựng cơ sở, giúp đỡ và phối hợp với dân quân, du kích đánh địch, phá tề, trừ gian, chống càn quét, bình định; lực lượng còn lại tổ chức thành các tiểu đoàn tập trung bố trí trên các khu vực trọng yếu để phối hợp với các đại đội độc lập đánh địch; đồng thời chỉ đạo các chiến trường mở một số chiến dịch quy mô phù hợp, thu được một số thắng lợi và kinh nghiệm quý về tác chiến chiến dịch. Bằng phương thức hoạt động sáng tạo, sau một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng được xây dựng lại ở hầu hết các vùng địch tạm chiếm, phong trào chiến tranh du kích từng bước được khôi phục và phát triển.

Thu - Đông 1950, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên Giới, lúc đầu ta chủ trương tiến công thị xã Cao Bằng. Sau khi trực tiếp nghiên cứu thực địa, đánh giá tình hình, nhận thấy nơi đây quân địch đông, phòng ngự mạnh, địa hình có sông ngăn cách không thuận lợi cho tiến công, để bảo đảm chắc thắng, VNG đã đề nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển sang tiến công cụm cứ điểm Đông Khê trên tuyến Đường số 4. Trên cương vị Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy Chiến dịch, thực hiện ý đồ tác chiến “nhử thú dữ vào tròng - khép vòng lưới thép”, VNG đã chỉ huy lực lượng tham gia chiến dịch thực hiện vận động chiến, đánh điểm - diệt viện, nhanh chóng đập tan cứ điểm Đông Khê, buộc quân Pháp từ Thất Khê lên ứng cứu, quân Pháp ở Cao Bằng rút chạy đều bị ta chặn đánh, bao vây và tiêu diệt, tuyến phòng thủ của địch bị phá vỡ, vùng biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập (tỉnh Lạng Sơn) được giải phóng, mở ra bước ngoặt cơ bản trong cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tháng 11.1951, Pháp mở cuộc tiến công đánh chiếm Hòa Bình nhằm xoay chuyển tình thế. Để làm thất bại âm mưu của quân Pháp, VNG đề nghị Trung ương Đảng mở chiến dịch đánh quân chủ lực cơ động của Pháp hành quân ra Hòa Bình, đồng thời đưa một bộ phận chủ lực luồn sâu vào vùng sau lưng địch phát triển chiến tranh du kích đánh kiềm chế, tiêu hao, tiêu diệt địch. Bằng cách đánh linh hoạt, sáng tạo, lực lượng vũ trang ta liên tục tiến công, tiêu diệt địch, làm thất bại âm mưu giành lại quyền chủ động chiến lược và chia cắt chiến trường Bắc Bộ của Pháp.

Trung du và đồng bằng là nơi quân Pháp mạnh, phát huy được ưu thế hỏa lực, có điều kiện thuận lợi để cơ động lực lượng ứng cứu cho nhau, VNG và Trung ương Đảng chủ trương tập trung lực lượng đánh vào những nơi hiểm yếu nhưng địch sơ hở, tạo rung động thế trận để ta tiếp tục những đòn tiến công tiếp theo. Từ chủ trương trên, VNG chỉ đạo Bộ Tổng Tư lệnh nghiên cứu thế bố trí lực lượng giữa ta và địch trên toàn chiến trường, đề xuất kế hoạch tác chiến Thu - Đông 1952, hướng tiến công chính là Tây Bắc. Trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy Chiến dịch Tây Bắc (14.10 - 10.12.1952), VNG chỉ đạo các đơn vị

thực hiện đánh dài ngày, đánh liên tục, đánh chắc, tiến chắc, vây điểm, phá điểm, diệt viện. Sau hai đợt tiến công của ta, quân Pháp bị thất bại và thiệt hại lớn buộc phải rút chạy về Nà Sản, tổ chức thành tập đoàn cứ điểm mạnh. Nhận thấy cần phải có thời gian nghiên cứu kỹ về cách phòng ngự mới của quân Pháp ở Nà Sản, VNG và Bộ Chỉ huy quyết định kết thúc chiến dịch để tránh thiệt hại về lực lượng.

Trong Chiến dịch Thượng Lào (13.4 - 18.5.1953), khi địch rút chạy khỏi Sầm Nưa, chớp thời cơ, VNG hạ quyết tâm chuyển từ đánh công kiên sang vận động chiến, truy kích, diệt và làm tan rã hơn 2.800 địch, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xieng Khuang và tỉnh Phongsaly, mở rộng căn cứ kháng chiến của Lào, nối liền với vùng Tây Bắc Việt Nam. Trong chiến cục Đông - Xuân (1953 - 1954), VNG đã chỉ đạo thành công việc phân tán khối chủ lực cơ động của địch trên khắp chiến trường Đông Dương, huy động khoảng 2 triệu dân quân, du kích cùng với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tiến hành chiến tranh nhân dân đẩy địch vào thế bị động chiến lược, không thể tập trung binh lực để quyết chiến với chủ lực của ta ở chiến trường do địch lựa chọn. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ (13.3 - 7.5.1954), quán triệt Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc phải chắc thắng mới đánh, được giao đủ quyền “Tướng quân tại ngoại”, trên cương vị Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ chiến dịch, sau khi trực tiếp quan sát, theo dõi tình hình mặt trận, VNG đã quyết đoán đề nghị thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” bằng sức mạnh tổng hợp và cách đánh của chiến tranh nhân dân Việt Nam, huy động khoảng 260 nghìn dân công bằng gánh gồng, xe đạp thồ kết hợp với cơ giới vận chuyển hàng chục nghìn tấn lương thực và phương tiện cần thiết phục vụ chiến dịch. Về tác chiến, đưa pháo binh chiếm lĩnh vị trí cao của địa hình, chế áp pháo binh địch; sử dụng các chiến hào vây lấn, vận động tiến công; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các mũi, các hướng, lần lượt tiêu diệt từng cứ điểm, cụm cứ điểm, tiến tới đập tan tập đoàn cứ điểm của địch, đưa đến thắng lợi của cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), VNG cùng Bộ Chính trị hoạch định những quyết sách chiến lược góp phần quan trọng vào chủ trương của Đảng trong Nghị quyết Trung ương 15 (1959) là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào sức mạnh của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn; đề xuất với Bộ Chính trị sớm mở tuyến đường vận tải chiến lược chi viện cho miền Nam cả trên đất liền và trên biển; chỉ đạo phá áp chiến lược, xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân và các đơn vị chủ lực ở miền Nam, nhất là trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên (nơi VNG nhận định sẽ là chiến trường tạo nên bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh).

Khi đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân vào miền Nam Việt Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, trên cơ sở so sánh lực lượng theo quan điểm biện chứng, vững tin vào bản lĩnh, cách đánh sáng tạo của chiến tranh nhân dân, VNG khẳng định: người Việt Nam sẽ giành chiến thắng bằng cách đánh

kiểu Việt Nam. Trên cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, VNG cùng Trung ương Đảng lãnh đạo quân và dân cả nước tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, giành, giữ thế chủ động tiến công địch rộng khắp trên cả ba vùng chiến lược; thực hiện tiêu diệt địch để làm chủ, làm chủ để tiêu diệt địch, buộc quân địch phải phân tán lực lượng, không phát huy được lối đánh sở trường, phải đánh theo lối đánh gàn, đánh không phân tuyến của ta; khi thời cơ đến, tập trung lực lượng giáng đòn quyết định vào ý chí của quân xâm lược. Từ trận Núi Thành, Vạn Tường, Plei Me, Bàu Bàng... đến thắng lợi trong mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, quân và dân Việt Nam đã làm thất bại một bước quan trọng chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc địch phải chuyển dần vào phòng ngự chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam. Cùng với việc chỉ đạo các chiến dịch lớn ở chiến trường miền Nam, VNG cùng Bộ Chính trị chỉ đạo chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ ở miền Bắc. Trong giai đoạn này, VNG là người tham mưu, đề xuất xây dựng quân đội nhân dân tiến lên chính quy, hiện đại, xây dựng Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân chủng Hải quân, Binh chủng Đặc công đáp ứng yêu cầu của cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1969, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, trên cơ sở nhận định và đánh giá chính xác những điểm yếu, điểm mạnh của địch, trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), VNG chỉ đạo lập thể trận rộng khắp, vững chắc, có chiều sâu, sử dụng cách đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh bại cuộc hành quân của quân Mỹ và Quân đội Sài Gòn, giữ vững tuyến vận tải chiến lược quan trọng của ta.

Từ giữa năm 1972, quán triệt dự báo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh “đế quốc Mỹ chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”, VNG sớm chỉ đạo tổ chức, xây dựng lực lượng phòng không ba thứ quân, chú trọng lực lượng tên lửa phòng không và không quân, xây dựng thể trận phòng không nhân dân nhiều tầng, nhiều lớp bảo vệ Thủ đô. Khi Mỹ mở Chiến dịch *Linebacker II* (1972), VNG kịp thời chỉ đạo lực lượng Phòng không - Không quân tập trung bảo vệ những khu vực trọng điểm, kết hợp với tác chiến cơ động phục kích địch trên các hướng; kịp thời chỉ đạo, rút kinh nghiệm tác chiến phòng không; ưu tiên tên lửa cho đánh B-52... góp phần đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược bằng B-52 của Mỹ. Thắng lợi của Chiến dịch phòng không Hà Nội - Hải Phòng (1972) cùng với những thắng lợi trước đó trên các chiến trường Đông Nam Bộ, Bắc Tây Nguyên và Quảng Trị trong Xuân - Hè (1972) buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Từ giữa 1973, cùng với việc chỉ đạo quân và dân đẩy mạnh hoạt động phản công, tiến công địch nhằm tạo ra chuyển biến cục diện trên chiến trường, VNG chỉ đạo cơ quan tham mưu xây dựng kế hoạch tác chiến chiến lược giải phóng miền Nam. Để thực hiện những đòn chiến lược giành thắng lợi quyết định, VNG đề xuất và được Bộ Chính trị đồng ý thành lập các quân đoàn chủ lực. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, từ tháng 10.1973 đến tháng 3.1975, Quân đoàn 1, Quân đoàn 2, Quân đoàn 3, Quân đoàn 4 và Đoàn 232 (tương

đương quân đoàn) lần lượt ra đời chuẩn bị cho tổng tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, VNG đã chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất kiến nghị với Bộ Chính trị và cùng với cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Tư lệnh tiền phương chỉ huy toàn quân thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam như: chọn đúng hướng đột phá chiến dịch vào Buôn Ma Thuột, phán đoán đúng Quân đội Sài Gòn sẽ rút khỏi Kon Tum để sớm có phương án chặn đánh và tiêu diệt. Khi Quân đội Sài Gòn rút chạy khỏi Tây Nguyên, nắm bắt thời cơ chiến lược, VNG đề nghị Bộ Chính trị chuyển sang kế hoạch sớm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Khi ta tiến công Trị Thiên và chuẩn bị giải phóng thành phố Huế, VNG quyết định thành lập ngay Bộ Tư lệnh Chiến dịch Đà Nẵng, dùng lực lượng Quân đoàn 2 từ phía bắc đánh xuống và lực lượng Quân khu 5 từ phía nam đánh lên, nhanh chóng giải phóng Đà Nẵng, đập tan “lá chắn thép” của địch ở phía bắc, tiêu diệt và làm tan rã hơn 100 nghìn quân địch. Khi Đà Nẵng vừa được giải phóng, VNG chỉ đạo Bộ đội Hải quân và Khu 5 nhanh chóng, bí mật, bất ngờ giải phóng các đảo Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn và Trường Lớn; đồng thời phê chuẩn đề nghị thành lập cánh quân phía đông, vừa đánh địch, vừa mở đường, “thần tốc” tiến thẳng vào chiến trường trọng điểm.

Sau khi chiến dịch Trị Thiên - Huế (5 - 26.3.1975) và chiến dịch Đà Nẵng (26 - 29.3.1975) giành thắng lợi, trước thời cơ lịch sử, VNG và Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 7.4.1975, VNG lệnh cho toàn quân: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”; lệnh cho cánh quân phía Đông tiếp tục phát triển tiến công, vừa đánh địch vừa mở đường, đánh thông tuyến đường số 1, đập tan tuyến phòng ngự từ xa của địch ở Phan Rang, sau đó ở Xuân Lộc. Sáng ngày 26.4.1975, từ 5 hướng, 5 cánh quân được lệnh tiến công vào nội đô Sài Gòn. Bằng nghệ thuật sử dụng những binh đoàn đột kích mạnh, nhanh vào các mục tiêu xung yếu của địch, kết hợp với nổi dậy của quần chúng từ bên trong, sau bốn ngày chiến đấu, Quân giải phóng đã đánh chiếm các mục tiêu quan trọng của thành phố Sài Gòn - Gia Định, chiếm Dinh Độc lập, buộc Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, kết thúc thắng lợi cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Với kinh nghiệm thực tiễn phong phú, hiểu biết sâu rộng cả về chính trị và quân sự, VNG đã để lại nhiều công trình lý luận và tổng kết nghệ thuật quân sự Việt Nam có giá trị. Cuối 1970, quán triệt Nghị quyết của Đảng, VNG đã biên soạn 7 bài giảng về đường lối quân sự của Đảng và trực tiếp đến Học viện Quân sự (nay là Học viện Lục quân) giảng dạy cho cán bộ cao cấp trong quân đội. Tập bài giảng về đường lối quân sự của Đảng đã giới thiệu khái quát lịch sử, truyền thống quân sự của dân tộc, phân tích sự hình thành, phát triển đường lối quân sự của Đảng qua thực tiễn chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng của nhân dân (Bài 1); những nội dung mới, sức mạnh mới của chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng (Bài 2); các vấn đề chủ yếu

trong nội dung đường lối quân sự như: động viên và tổ chức toàn dân đánh giặc, xây dựng lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang, vấn đề cơ sở chính trị, căn cứ địa, hậu phương, phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam (bài 3, 4, 5 và 6); khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là tất yếu lịch sử và nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của chiến tranh nhân dân (bài 7). Những bài giảng của VNG đã trang bị cho đội ngũ cán bộ cao cấp trong quân đội những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, kiến thức quân sự và nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trình độ và khả năng chiến đấu của Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam khi cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Ngoài ra, VNG còn viết nhiều tác phẩm, như: “*Vũ trang quần chúng cách mạng, xây dựng quân đội nhân dân*”, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1972; “*Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*”, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975; “*Chiến đấu trong vòng vây*”, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân và Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1995... Nội dung chủ yếu trong các tác phẩm của VNG là hệ thống các quan điểm, luận điểm về vũ trang quần chúng cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh du kích, chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, về chiến tranh nhân dân trong thời đại mới, phản ánh những nét đặc sắc, độc đáo của tư tưởng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Tư tưởng nghệ thuật quân sự của VNG là tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu; đánh chắc, tiến chắc, không chắc thắng không đánh; đánh điểm, diệt viện; biết chọn và chớp thời cơ nổ súng tiến công tiêu diệt địch; tin vào quần chúng, dựa vào nhân dân; mang bản chất nhân văn, nhân đạo, hòa bình. Đó là nghệ thuật phân tích, dự báo sớm âm mưu và hành động của địch để chủ động về lực lượng, thế trận và cách đánh; nghệ thuật đánh lâu dài để chuyên hóa so sánh lực lượng khi lực lượng ban đầu của cách mạng còn nhỏ yếu; nghệ thuật chọn hướng tiến công, chọn điểm đột phá; nghệ thuật nắm và tạo thời cơ chiến lược, chọn cách đánh chiến lược - chiến dịch đúng đắn, sáng tạo, mưu lược. Là nghệ thuật “*kiềm địch, điều địch*” theo ý đồ chiến lược của ta, biết kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các yếu tố lực, thế, thời, mưu; nghệ thuật xây dựng, tổ chức và sử dụng kết hợp lực lượng vũ trang ba thứ quân; nghệ thuật tổ chức, sử dụng quân đội, từ quy mô nhỏ bé ban đầu tới hình thành trên thực tế các quân chủng, binh chủng, các binh đoàn chủ lực tạo thế áp đảo, đánh bất ngờ, tiến công mãnh liệt và thần tốc giành thắng lợi quyết định trên chiến trường.

Là người chỉ huy tối cao của Quân đội nhân dân Việt Nam, VNG đã cùng với Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đề ra những quyết sách chiến lược và trực tiếp chỉ huy thực hiện thắng lợi các quyết sách đó. Trước những khó khăn, thử thách, VNG luôn thể hiện bản lĩnh vững vàng, mưu lược và quyết đoán, với những quyết định đúng đắn, kịp thời; phong cách chỉ huy sâu sát, thận trọng, luôn xuất phát từ thực tiễn chiến trường, dám chịu trách nhiệm trước lịch sử; táo bạo cơ mưu, đánh chắc thắng, giành thắng lợi cao nhất đi đôi với hạn chế thấp nhất tổn thất xương máu của tướng sĩ. VNG là nhà chiến lược quân sự, một tâm gương mẫu mực, một nhân cách lớn bởi tầm cao trí tuệ, đạo đức nhân văn,

hết lòng phụng sự Đảng, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Mỗi thắng lợi vẻ vang của quân và dân Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc thế kỷ XX đều ghi dấu ấn, công lao của Đại tướng VNG - người được cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Việt Nam tôn vinh là “Anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam”, “Tur lệnh của các tur lệnh, Chính ủy của các chính ủy”, “Đại tướng của nhân dân”; được nhiều chính khách, học giả, nhà quân sự trong nước và trên thế giới đánh giá là một thiên tài quân sự của thế kỷ XX và là một trong những vị tướng vĩ đại nhất của mọi thời đại.

Đại tướng VNG đã được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, hai Huân chương Hồ Chí Minh (là người đầu tiên được tặng 1950; 1979), Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân chương, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế. Tên của VNG được đặt cho nhiều đường phố ở Việt Nam. (4.946 chữ)



Đại tướng Võ Nguyên Giáp

NGUYỄN QUỐC UY

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
2. Bộ Quốc phòng, Ban Biên tập Từ điển quân sự, *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam*, Quyển 1: *Lịch sử quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.
3. Bộ Quốc phòng, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 110 năm ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911 - 2021)*.
4. Bùi Loan Thúy, *Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Vị tướng của hòa bình*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
5. Bùi Thu Phương, *Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp - người anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
6. *Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Danh tướng kiệt xuất mọi thời đại*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2011
7. Hoàng Minh Phương: *Mấy vấn đề lớn về chỉ đạo chiến lược, chiến dịch trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 1.2014.
8. Hội thảo khoa học 105 năm ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
9. Lưu Hải Sinh, Phú Quang Hải, *100 nhà quân sự có ảnh hưởng đến thế giới*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2008.
10. Vũ Quang Đạo, *Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nhà sử học làm nên lịch sử*, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 10.2013.

11. Phan Huy Lê, *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - vị tướng huyền thoại, nhà sử học, nhà văn hóa*, Tạp chí Lịch sử quân sự số 10.2013.
12. Tạ Hữu Yên, *Võ Nguyên Giáp vị Đại tướng văn võ song toàn*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2012.
13. Trần Đình Quang, *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với các quyết định có tính bước ngoặt trong Kháng chiến chống Pháp*, Tạp chí Lịch sử Kỹ thuật, Hậu cần quân sự, số 12.2013.
14. Trần Thái Bình, *Võ Nguyên Giáp trong cuộc trường chinh thế kỷ*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
15. Trần Trọng Trung, *Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2010.
16. Trung tâm Thông tin Khoa học quân sự, *Thư mục chuyên đề: Đại tướng Võ Nguyên Giáp*.
17. Võ Nguyên Giáp, *Bài giảng về Đường lối quân sự của Đảng*, Viện Khoa học quân sự, 1974.
18. Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
19. Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập luận văn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.